

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/04/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+RP3+RP2	7:25	21+0+0	0+0+0		12+3+7	0+0+0	
2		CIO+TD1+P2+PVD3	7:25	3+1+4+13	0+0+0+0		0+0+6+13	0+0+0+0	
3		P9+P10+PVD3	9:25	6+4+11	0+0+0		0+0+11	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: MRM - RP3 - RP2	CREW: Nam - TTrung - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	MRM	72	1	11	5	75	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU HA	MRM	59-60	2	17		72	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC LONG	MRM	57	1	15		65	DVL	Vietnamese
4	DMITRII MIKHAILOV	MRM	66,68	2	15		110	HALLIBURTON	Russian
5	YAROTCKIY ALEXANDER	MRM	73	1	18	7	93	AMNGR	Russian
6	ZAKIROV ILNAZ	MRM	75	1	15	15	80	AMNGR	Russian
7	ZHIGALO ALEKSANDR	MRM	77	1	15		97	AMNGR	Russian
8	ZAKHAROV FEDOR	MRM	58	1	6		125	AMNGR	Russian
9	SOLODUKHIN ROMAN	MRM	62	1	9		80	AMNGR	Russian
10	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	78	1	5		80	AMNGR	Russian
11	ZINOVYEV EVGENY	MRM	65	1	6		85	AMNGR	Russian
12	TRAN VAN CHUNG	MRM	64	1	11		68	PVD	Vietnamese
13	TRẦN VĂN GIANG	MRM	61	1	9		71	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TIẾN	MRM	69	1	5		65	DVL	Vietnamese
15	LÀ QUÝ DANH	MRM	71	1	6		65	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG HOAN	MRM	70	1	10		80	DVL	Vietnamese
17	TRƯỜNG QUỐC THẮNG	MRM	55	1	14		84	DVL	Vietnamese
18	MULNIUCHKIN V.V	MRM	56	1	14		93	DVL	Russian
19	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	MRM	67	1	8		63	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NGHIỆM	MRM	63	1	5		63	OSC	Vietnamese
21	PHAM VAN DONG	RP3	11	1	5	30	72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	20	22	214	1.614	27	12		
2	RP3	1	1	5	72	30	4		
3	RP2	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		21	23	219	1.686	57	22		
WEIGHT KG				219	1.686	57			

GRAND TOAL: 1.962 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: CLO - TD1 - P2 - PVD3	CREW: TUYỀN - Vận - DTùng	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG HUY	CLO	17	1	15		91	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	CLO	18-19	2	15		70	DVL	Vietnamese
3	PHAN VINH TRUONG	CLO	16	1	11		62	DVL	Vietnamese
4	VÔ TÂN HÒA	TD1	13-14	2	15		75	SCHLUMB	Vietnamese
5	NGUYỄN MANH HUNG	P2	02-03	2	12		75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC CHINH	P2	04	1	15		78	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HUNG	P2	01	1	11	15	70	DK9	Vietnamese
8	NGO DUC BOON	PVD3	24	1	7	20	77	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC LE	PVD3	02	1	11	75	73	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG THE TAI	PVD3	03	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
11	LAI VAN HAI	PVD3	97	1	10		53	KHOAN	Vietnamese
12	SHAUN INCE	PVD3	27	1	10		113	KHOAN	British
13	TO VAN DINH	PVD3	25	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM BA TAN	PVD3	22	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TUAN	PVD3	18	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN HUNG	PVD3	28,96	2	16		81	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG VAN THE	PVD3	26	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
18	DUONG QUOC CONG	PVD3	21	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN SY DUY	PVD3	23	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
20	VO HONG HAI	PVD3	19-20	2	15		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	3	4	41	223	0	0		
2	TD1	1	2	15	75	0	1		
3	P2	3	4	38	223	15	6		
4	PVD3	13	15	127	969	95	13		
TOTAL		20	25	221	1,490	110	20		
WEIGHT KG				221	1,490	110			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: P9 - P10 - PVD3	CREW: Nam - TTrung - HIẾU	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG PHAT	P9	40	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VINH PHU	P9	44	1	7	10	75	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TRUNG THANH	P9	43	1	7		69	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUNG	P9	41	1	10		66	ANTOAN	Vietnamese
5	VU VAN DUC	P9	42	1	8		67	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYEN CONG DANH	P9	38-39	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
7	HA QUANG TRUNG	P10	96	1	10		53	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN QUY	P10	94	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
9	DO VAN HIEU	P10	95	1	10	20	75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC QUANG	P10	93	1	16		64	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN TRUNG	PVD3	06	1	4	40	60	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN DINH VU	PVD3	31	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
13	GIANG VAN TRINH	PVD3	30	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC BAO TU	PVD3	24	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN CAO NGUYEN	PVD3	26	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC LAI	PVD3	25	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG CONG THANG	PVD3	27	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN MANH HUNG	PVD3	29	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG MINH PHUC	PVD3	32	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
20	LE TRONG QUYNH	PVD3	28	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
21	VU VAN TRUNG	PVD3	33	1	11		74	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	6	7	49	422	10	0		
2	P10	4	4	43	270	20	0		
3	PVD3	11	11	71	767	40	11		
TOTAL		21	22	163	1.459	70	11		
WEIGHT KG				163	1.459	70			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN